TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1105/2022/HN-ST
Ngày: 08/4/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thụy Thúy Huyền.

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số 872/2021/TLST-HN ngày 13 tháng 5 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 850/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 1465/2021/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Phan Tấn P, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 232/44/18 đường T, Khu phố S, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 25/40 Đường số S, Khu phố B, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông P có đơn xin vắng mặt, bà C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác, nguyên đơn - Ông Trần Phan Tấn P trình bày:

Ông Trần Phan Tấn P và Bà Ngô Thị Kim C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2009, Quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hiểu nhau, cuộc sống không hòa hợp thường xuyên cãi vả nên bà C bỏ về sống tại nhà riêng tại địa chỉ số 25/40 Đường số S, Khu phố B, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã nhiều lần đến động viên, hàn gắn nhưng bà C không đồng ý vì vậy cả hai đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Do ông và bà C ly thân đã lâu, không quan tâm, liên lạc gì với nhau nên tình cảm không còn. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông và Bà Ngô Thị Kim C, có 01 con chung tên là: Trần Công Thiên A, sinh ngày 12/01/2006. Hiện con chung đang sinh sống cùng ông nên Ông P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục và không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – Bà Ngô Thị Kim C đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại tất cả các buổi cung cấp lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án án nhân dân thành phố cần rút kinh nghiệm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Phan Tấn P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Bà Ngô Thị Kim C nên xác định là quan hệ tranh chấp về việc ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

+ Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn – Bà Ngô Thị Kim C tại địa chỉ cư trú: Số 25/40 Đường số S, Khu phố B, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để tham gia hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử, Quyết định hoãn phiên Toà, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử lần 2 theo quy định của pháp luật. Trong tất cả những lần Tòa án niêm yết công khai văn bản tố tụng kể từ khi vụ án được thụ lý, bị đơn – Bà Ngô Thị Kim C đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn - Ông Trần Phan Tấn P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Phạm vi giải quyết vụ án: Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt đã được tiếp cận, biết và nắm rõ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn vắng mặt nên không xuất trình các tài liệu chứng cứ nhưng các đương sự không có yêu cầu, khiếu nại gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được các bên đương sự giao nộp, tiếp cận, công khai theo quy định tại Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ông Trần Phan Tấn P và Bà Ngô Thị Kim C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2009, Quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2006 nên xác định hôn nhân của Ông Trần Phan Tấn P và Bà Ngô Thị Kim C là hợp pháp. Trong thời gian chung sống với bà C do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau dẫn tới bà C đã bỏ về sống tại nhà riêng tại địa chỉ số 25/40 Đường số S, Khu phố B, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù lời khai này của Ông P không được đối chất với bà C nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đơn ly hôn của Ông P đến nay đã gần 01 năm nhưng bà C không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, cũng không có bất cứ ý kiến nào gửi cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của Ông P. Điều này vừa chứng tỏ bà C không tôn trọng quy định của pháp luật, không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án, vừa thể hiện ý thức không quan tâm, coi trọng hôn nhân của chính bản thân bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi Ông P và bà C chung sống, theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thủ Đức cho biết: "Trong thời gian Ông P và bà C sống chung tại số 25/40 Đường số S, Khu phố B, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn, hiện tại còn sống chung với nhau hay không, từ thời gian nào thì Ủy ban phường không có căn cứ để cung cấp thông tin". Do bà C vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét ý kiến phía Ông P đưa ra. Từ những nhận định trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân của Ông P và bà C đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, Ông P đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Trần Phan Tấn P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự.

Về con chung: Ông Trần Phan Tấn P và Bà Ngô Thị Kim C có 01 con chung tên là: Trần Công Thiên A, sinh ngày 12/01/2006. Hiện con chung đang sinh sống cùng Ông P nên ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu bà C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại trẻ Trần Công Thiên A, sinh ngày 12/01/2006 đang trực tiếp sinh sống cùng Ông P và trẻ Thiên Ân đã có lời khai thể hiện nguyện vọng được sống cùng với bố vì bố có đủ điều kiện về thời gian, vật chất, tinh thần để chăm lo cho trẻ. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Ông P và giao Trần Công Thiên A cho Ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các quy định của pháp luật. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của Ông P không yêu cầu Bà Ngô Thị Kim C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Ông Trần Phan Tấn P chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bà C không phải chịu án phí.

[5]. Xét ý kiến phát biểu Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và về việc rút kinh nghiệm vì vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 243, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Ông Trần Phan Tấn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phan Tấn P được ly hôn với Bà Ngô Thị Kim C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2009, Quyển số 1 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2006 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên là Trần Công Thiên A, sinh ngày 12/01/2006 cho Ông Trần Phan Tấn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Trần Phan Tấn P không yêu cầu Bà Ngô Thị Kim C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ngô Thị Kim C được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, Ông Trần Phan Tấn P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0047871 ngày 12 tháng 5 năm 2021 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập. Bà Ngô Thị Kim C không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND Tp. T;
- THA Tp. T, Tp.H;
- UBND phường T, thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Dung

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Nguyễn Thị Dung